

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN PHƯỚC  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 9 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trà Thị Thanh Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Võ Thị Trà Giang;

Ông Nguyễn Sơn Cước;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chị và anh V thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không có khả năng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Chị xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn V không có hạnh phúc, hai bên đã không còn sống chung với nhau từ tháng 2/2020 âm lịch đến nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- *Về quan hệ con chung*: Chị và anh Nguyễn Văn V có hai người con chung là Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 30/5/2018, cháu Nguyễn Đăng Ng, sinh ngày 09/12/2019, sau khi ly hôn chị đề nghị được nhận nuôi hai người con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng/1 cháu, hai cháu là 4.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Chị thừa nhận hiện nay chị đang quản lý số tiền còn lại là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng y*) là quà tặng sau khi chị và anh V kết hôn, chị và anh V đã thống nhất gửi tiết kiệm và để dành cho con, nhưng nay anh V yêu cầu phân chia chị thống nhất chia cho anh V số tiền mặt 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng y*).

- *Về nợ chung*: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị A về thời gian anh, chị kết hôn, hôn nhân của anh và chị A là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa anh và chị A có phát sinh mâu thuẫn, trước đây chị A đã gửi đơn ly hôn nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, nay chị Anh yêu cầu ly hôn thì anh thống nhất.

- *Về con chung*: Anh và chị A có hai con chung như chị A trình bày là đúng với thực tế, hiện nay hai con chung đang được chị A nuôi dưỡng, tuy nhiên hiện nay chị A đưa con chung về sống tại nhà mẹ ruột tại thị trấn T nhưng nhà chị A đông anh em, môi trường sống không đảm bảo. Vì vậy, anh đề nghị được nhận nuôi cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 30/5/2018, chị Anh nuôi cháu Nguyễn Đăng Ng, sinh ngày 09/12/2019. Anh không thống nhất giao hai con chung cho chị A nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh không thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con chung chị Anh đã yêu cầu, nếu anh được nhận nuôi cháu Kh thì anh sẽ cấp dưỡng cho chị A nuôi cháu Ng mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- *Về tài sản chung*: Hiện nay chị A đang quản lý số tiền mặt 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đây là khoản tiền hai bên gia đình tặng cho anh, chị trong ngày cưới, anh đề nghị chị A chia cho anh 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- *Về nợ chung*: Anh không yêu cầu giải quyết.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

*Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thuận tình ly hôn.

*Về quan hệ con chung*: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai người con chung chưa thành niên là Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 30/5/2018, Nguyễn Đăng Ng, sinh ngày 09/12/2019 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 38, 81 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc chị A làm đơn ly hôn là tính tình anh, chị sống không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn V thống nhất ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn V.

Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn V tại Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ xã T thể hiện: Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị A là vợ chồng, hiện đang sinh sống tại thôn 02, xã T, huyện T. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh V, chị A có xảy ra hay không và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ xã T không rõ, Ban chấp hành phụ nữ xã chưa nhận được thông tin báo cáo từ phía chị A và anh V.

[2] *Về nuôi con chung*: Xét yêu cầu được nhận nuôi hai người con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị A thấy phù hợp với thực tế tại thời điểm chị A và anh V thuận tình ly hôn, bởi lẽ: Hiện tại hai con chung của chị A và anh V đều dưới 36 tháng tuổi, ở độ tuổi này các cháu cần sự quan tâm, nuôi dưỡng,

chăm sóc trực tiếp của chị A hơn, bản thân chị A hiện nay là giáo viên nên môi trường để chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung thuận lợi, đảm bảo. Anh V cho rằng chị A không đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung nhưng anh không chứng minh được, hơn nữa hiện nay hai con chung của anh chị vẫn phát triển bình thường, hiện tại đang sinh sống tại nhà mẹ ruột chị A. Bản thân anh V là đàn ông nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung dưới 36 tháng tuổi là không phù hợp với thực tế, sẽ không đảm bảo các điều kiện, không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên không chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của anh Nguyễn Văn V.

[3] *Về chia tài sản chung*: Các đương sự đều thừa nhận số tiền mặt 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng y*) hiện chị A đang đứng tên trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn ngày 02/4/2018 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiên Phước là số tiền hai bên gia đình đã tặng cho chị A và anh V vào ngày cưới. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị A thống nhất chia cho anh V số tiền mặt 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Căn cứ 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhân sự thỏa thuận giữa các đương sự về phân chia tài sản chung.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Số tiền chị Nguyễn Thị A yêu cầu anh Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng nuôi con cho chị là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu là cao so với nhu cầu chi tiêu thực tế của hai người con chung và thu nhập của anh Nguyễn Văn V hiện nay. Căn cứ vào mức thu nhập bị đơn anh V đã thừa nhận tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, mức chi phí của cháu Kh, cháu Ng tại thời điểm hiện nay khi các cháu đang sinh sống với chị A tại thị trấn T, Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A số tiền 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng, tương ứng với 2 cháu là 3.000.000 đồng/ 1 tháng là phù hợp.

[5] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 38, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn V.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung chưa thành niên là Nguyễn Đăng Kh, sinh

ngày 30/5/2018, Nguyễn Đăng Ng, sinh ngày 09/12/2019 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị A mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 cháu, 2 cháu là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng y*)/1 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Đăng Kh, Nguyễn Đăng Ng trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ chia cho anh Nguyễn Văn V số tiền mặt: 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng y*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Văn V cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, chị Nguyễn Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí ly hôn sơ thẩm và 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng y*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng hai khoản chị A phải nộp là 1.050.000 đồng (*Một triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng y*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0004693 lập ngày 13 tháng 8 năm 2020. Chị A còn phải nộp số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng y*).

Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng y*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng hai khoản anh V phải nộp là 1.050.000 đồng (*Một triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng y*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0004698 lập ngày 20 tháng 8 năm 2020. Anh V còn phải nộp số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng y*).

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên An, h. Tiên Phước;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trà Thị Thanh Thắm**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên An, h. Tiên Phước;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trà Thị Thanh Thắm**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Phong, h. Tiên Phước;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trà Thị Thanh Thắm**